

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN TRỊ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ SỐ TIẾP CẬN TỪ LUẬT LƯU TRỮ 2024 VÀ YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ

TS. Tạ Thị Liễu

Khoa Lưu trữ và Quản trị văn phòng
Học viện Hành chính và Quản trị công
Email: lieutt@apag.edu.vn.

Tóm tắt: Bối cảnh chuyển đổi số quốc gia yêu cầu ngành Lưu trữ thực hiện chuyển đổi chiến lược, từ vai trò bảo quản thụ động sang khai thác tri thức chủ động. Sự thay đổi này được củng cố mạnh mẽ bởi Nghị quyết 57-NQ/TW về dữ liệu là tài sản, cùng với việc hình thành kiến trúc pháp lý vững chắc qua Luật Lưu trữ 2024 và Nghị định 113/2025/NĐ-CP. Các văn bản này đã thiết lập nền tảng kỹ thuật ba lớp (DC, DR, RR) và quy định về quản lý dữ liệu chủ (metadata), tạo cơ sở cho việc phát triển Nền tảng Khai thác Tri thức Lưu trữ ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI và Học máy. Bài viết nhận diện những vướng mắc hiện tại về tính đồng bộ hệ thống, chuẩn hóa dữ liệu và năng lực nguồn nhân lực; từ đó đề xuất các giải pháp quản trị và kỹ thuật ở từng cấp hành chính nhằm đảm bảo tính toàn vẹn và khả năng khai thác tối đa giá trị dữ liệu.
Từ khóa: Khung pháp lý, công nghệ và mô hình quản trị chất lượng, nhân lực và quản lý tài liệu lưu trữ số.
Nhận bài: 20/11/2025; Biên tập: 21/11/2025; Phản biện: 23/11/2025; Duyệt đăng: 29/11/2025.

1. Đặt vấn đề

Quản lý tài liệu lưu trữ số tại Việt Nam hiện nay được định hình rõ nét bởi định hướng chính trị cấp cao, trong đó chuyển đổi số được xác định là động lực phát triển then chốt. Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác lập dữ liệu không chỉ là “nguồn tài nguyên mới” mà còn là “tư liệu sản xuất chính”, qua đó đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện tư duy quản lý, loại bỏ rào cản hành chính truyền thống và thúc đẩy đầu tư cho hạ tầng số. Định hướng này được thể chế hóa đồng bộ thông qua Luật Lưu trữ năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo thành chuỗi logic từ chủ trương chính trị đến khung pháp lý và quy trình thực thi.

Luật Lưu trữ năm 2024 đánh dấu bước tiến quan trọng trong hiện đại hóa công tác lưu trữ, đặc biệt trong lĩnh vực lưu trữ số. Lần đầu tiên, “tài liệu lưu trữ số” được định nghĩa rõ ràng, đồng thời Luật chuyển trọng tâm từ quản lý tệp vật lý sang quản lý thông tin cốt lõi (metadata). Việc xác định và quản lý “dữ liệu chủ của tài liệu lưu trữ” tạo nền tảng kỹ thuật cho khả năng liên thông, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan. Bên cạnh đó, Luật nâng “phát huy giá trị tài liệu” thành một nghiệp vụ độc lập, thể hiện sự dịch chuyển từ mô hình lưu trữ thiên về bảo quản sang mô hình khai thác tri thức, phù hợp với mục tiêu biến dữ liệu thành tài nguyên phục vụ phát triển.

Nghị định 113/2025/NĐ-CP tiếp tục cụ thể hóa các yêu cầu về hạ tầng và an ninh dữ liệu thông qua mô hình kho lưu trữ số ba lớp, gồm trung tâm dữ liệu, trung tâm dự phòng và hệ thống lưu trữ rỗi độc lập. Cách tiếp cận này nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho tài liệu lưu trữ - một tài sản quốc gia - trước các nguy cơ thiên tai, sự cố công nghệ và tấn công mạng. Đồng thời, quy định về chu kỳ đồng bộ dữ liệu bắt buộc góp phần khắc

phục tình trạng phân mảnh và thiếu tương tác giữa các hệ thống lưu trữ. Hệ thống pháp lý được hoàn thiện với Thông tư 05/2025/TT-BNV và Thông tư 06/2025/TT-BNV, trong đó chuẩn hóa toàn bộ quy trình số hóa, quản lý, bảo quản, khai thác và xác thực tài liệu lưu trữ số, cũng như thủ tục phục vụ người dùng trong môi trường số. Các quy định này không chỉ là cơ sở triển khai nghiệp vụ thống nhất mà còn định hình rõ khung năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ làm công tác lưu trữ, bao gồm năng lực kỹ thuật số, quản trị dữ liệu, bảo mật, dịch vụ công trực tuyến và giao tiếp số. Qua đó, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực lưu trữ được đặt trên nền tảng pháp lý và kỹ thuật vững chắc, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đổi mới nghiệp vụ và giải pháp công nghệ, mô hình nền tảng tri thức lưu trữ

“Kho Lưu trữ tri thức” đại diện cho bước phát triển vượt bậc của lưu trữ số, chuyển từ chức năng bảo quản đơn thuần sang nền tảng tổng hợp, phân tích và khai thác dữ liệu. Mục tiêu cốt lõi của mô hình này là xây dựng hệ thống thông tin thông minh nhằm quản lý tài liệu hiệu quả, đồng thời biến dữ liệu lưu trữ thành tri thức có giá trị phục vụ nghiên cứu, quản lý và hoạch định chính sách. Trọng tâm của kho lưu trữ tri thức là nền tảng khai thác tri thức lưu trữ (Knowledge Archival Platform), cho phép chuyển đổi dữ liệu thô thành tri thức có thể sử dụng thông qua các công nghệ phân tích hiện đại.

Một chức năng quan trọng của nền tảng là tự động trích xuất các thực thể như cá nhân, tổ chức, sự kiện, địa điểm và lĩnh vực hoạt động từ tài liệu, đồng thời thiết lập các mối liên kết tri thức giữa chúng. Bên cạnh đó, hệ thống tìm kiếm đa phương thức dựa trên ngữ nghĩa và hình ảnh giúp người

dùng tiếp cận thông tin vượt xa giới hạn của tìm kiếm từ khóa truyền thống. Việc tự động xây dựng cơ sở dữ liệu tri thức là yếu tố then chốt để thực hiện mục tiêu khai thác và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.

Các công nghệ trí tuệ nhân tạo, học máy và dữ liệu lớn đóng vai trò nền tảng cho kho lưu trữ tri thức. AI và học máy hỗ trợ tự động phân loại, lập chỉ mục và trích xuất thông tin, qua đó chuyển công tác lưu trữ từ hoạt động mang tính thủ công sang công cụ phân tích chủ động. Công nghệ dữ liệu lớn cho phép tổng hợp và phân tích khối lượng tài liệu khổng lồ, bao gồm cả dữ liệu phi cấu trúc, tạo ra bức tranh toàn diện và khả năng dự báo.

Để bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực và khả năng tương tác của tài liệu trong toàn bộ vòng đời, việc tuân thủ mô hình thông tin lưu trữ mở OAIS (ISO 14721) là yêu cầu bắt buộc. Các gói tin chuẩn SIP, AIP và DIP giúp chuẩn hóa quy trình thu nộp, bảo quản lâu dài và cung cấp tài liệu cho người dùng, qua đó khắc phục các hạn chế về cấu trúc dữ liệu và đóng gói hồ sơ điện tử, bảo đảm khả năng liên thông và khai thác bền vững của tài liệu lưu trữ số.

Tiêu chí	Kho Lưu trữ số truyền thống	Kho Lưu trữ tri thức
Chức năng chính	Bảo quản và tìm kiếm cơ bản	Khai phá, phân tích, tạo tri thức
Công nghệ	Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu	Tích hợp AI, Học máy, Dữ liệu lớn
Khả năng tìm kiếm	Dựa trên từ khóa chính xác	Dựa trên ngữ nghĩa, hình ảnh, liên kết thực thể
Giá trị mang lại	Cung cấp thông tin theo yêu cầu	Tạo ra cái nhìn toàn diện, dự báo xu hướng, hỗ trợ ra quyết định

Bảng 1. So sánh sự khác biệt cốt lõi của mô hình “Kho lưu trữ tri thức” và “Kho lưu trữ truyền thống”

2.2. Phân định trách nhiệm quản trị và cơ chế phối hợp liên ngành

2.2.1. Bộ Nội vụ

“Kho Lưu trữ tri thức” đại diện cho một bước phát triển vượt bậc của lưu trữ số trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, đánh dấu sự chuyển dịch căn bản từ chức năng bảo quản tài liệu đơn thuần sang mô hình nền tảng tổng hợp, phân tích và khai thác dữ liệu. Nếu như kho lưu trữ số truyền thống chủ yếu tập trung vào việc lưu giữ và tra cứu hồ sơ, thì kho lưu trữ tri thức hướng đến mục tiêu cao hơn là biến dữ liệu lưu trữ thành nguồn tri thức có giá trị, phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, quản lý nhà nước và hoạch định chính sách phát triển. Mô hình này phù hợp với quan điểm coi dữ liệu là tài nguyên chiến lược và là tư liệu sản xuất mới trong nền kinh tế số.

Trọng tâm của kho lưu trữ tri thức là nền tảng khai thác tri thức lưu trữ (Knowledge Archival Platform). Đây là hệ thống thông tin thông minh cho phép chuyển đổi dữ liệu lưu trữ thô thành tri thức

có thể sử dụng thông qua các công nghệ phân tích hiện đại. Nền tảng này không chỉ hỗ trợ quản lý tập trung tài liệu mà còn tạo điều kiện cho việc khai thác sâu nội dung, phát hiện mối quan hệ tiềm ẩn giữa các thông tin và cung cấp dữ liệu đầu vào có giá trị cho hoạt động ra quyết định.

Một trong những chức năng quan trọng của nền tảng khai thác tri thức là khả năng tự động trích xuất các thực thể như cá nhân, tổ chức, sự kiện, địa điểm và lĩnh vực hoạt động từ nội dung tài liệu. Trên cơ sở đó, hệ thống thiết lập các mối liên kết tri thức giữa các thực thể, hình thành mạng lưới thông tin phản ánh bối cảnh lịch sử, hành chính và xã hội của tài liệu lưu trữ. Cùng với đó, chức năng tìm kiếm đa phương thức dựa trên ngữ nghĩa và hình ảnh giúp người dùng tiếp cận thông tin theo nhiều chiều, vượt qua những hạn chế của tìm kiếm từ khóa truyền thống vốn phụ thuộc nhiều vào cách đặt tên và mô tả hồ sơ. Việc tự động xây dựng cơ sở dữ liệu tri thức từ tài liệu lưu trữ được xem là yếu tố then chốt để hiện thực hóa mục tiêu phát huy giá trị tài liệu trong môi trường số.

Các công nghệ trí tuệ nhân tạo, học máy và dữ liệu lớn đóng vai trò nền tảng trong vận hành kho lưu trữ tri thức. AI và học máy được sử dụng để tự động phân loại, lập chỉ mục, nhận dạng nội dung và trích xuất thông tin từ tài liệu số, qua đó giúp chuyển công tác lưu trữ từ hoạt động mang tính thủ công, thụ động sang công cụ phân tích chủ động. Những công nghệ này cho phép hệ thống học hỏi từ dữ liệu, ngày càng nâng cao độ chính xác trong xử lý và khai thác tài liệu. Bên cạnh đó, công nghệ dữ liệu lớn cung cấp khả năng tổng hợp và phân tích khối lượng tài liệu khổng lồ, bao gồm cả dữ liệu phi cấu trúc và bán cấu trúc, từ đó tạo ra cái nhìn toàn diện, phát hiện xu hướng và hỗ trợ dự báo trong nghiên cứu và quản lý.

Để bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực và khả năng tương tác của tài liệu trong toàn bộ vòng đời lưu trữ, việc tuân thủ mô hình thông tin lưu trữ mở OAIS (ISO 14721) là yêu cầu kỹ thuật bắt buộc đối với kho lưu trữ tri thức. Mô hình OAIS quy định rõ các gói tin chuẩn gồm SIP (Submission Information Package), AIP (Archival Information Package) và DIP (Dissemination Information Package), tương ứng với các giai đoạn thu nộp, bảo quản lâu dài và cung cấp tài liệu cho người sử dụng. Việc áp dụng thống nhất các gói tin này giúp chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu, bảo đảm khả năng truy xuất, xác thực và liên thông giữa các hệ thống lưu trữ khác nhau.

2.2.2. Các cơ quan, bộ, ngành và địa phương

Các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt là Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở chuyên môn, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các chính sách từ trung ương đến cơ sở. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ địa phương và

thiết lập Kho Lưu trữ số. Điều này thể hiện vai trò tự chủ và trách nhiệm của cấp địa phương trong việc thực thi chính sách của trung ương.

Một điểm nghẽn nghiêm trọng là sự thiếu phối hợp giữa Sở Nội vụ (đơn vị phụ trách nghiệp vụ) và Sở Khoa học và Công nghệ (đơn vị phụ trách kỹ thuật). Việc này đã dẫn đến tình trạng các phần mềm được thiết kế nhưng “chưa đáp ứng yêu cầu về pháp lý và nghiệp vụ”. Hậu quả là các hệ thống không thể liên thông, gây khó khăn cho việc nộp lưu tài liệu, làm gián đoạn toàn bộ chuỗi quản lý dữ liệu quốc gia và dẫn đến lãng phí trong đầu tư công. Vai trò của người đứng đầu trong việc chỉ đạo và tạo ra một cơ chế phối hợp chặt chẽ là yếu tố quyết định sự thành bại. Thách thức lớn nhất không chỉ nằm ở công nghệ mà còn ở cơ chế vận hành và quản trị liên ngành.

Các cơ quan bộ ngành và địa phương là đơn vị trực tiếp triển khai và sử dụng nguồn nhân lực lưu trữ. Do đó, họ có vai trò quyết định trong việc chuyển hóa các chính sách, kế hoạch thành hành động cụ thể.

Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lưu trữ tại chỗ, gắn với nhu cầu thực tế của cơ quan và tiêu chí đánh giá công vụ;
- Cập nhật và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động lưu trữ, khuyến khích cán bộ tham gia học tập, nâng cao kỹ năng số;
- Phân bổ ngân sách và nguồn lực hợp lý để bảo đảm điều kiện triển khai các khóa đào tạo, tập huấn;
- Thực hiện chế độ kiểm tra, đánh giá định kỳ về năng lực, kỹ năng và hiệu quả làm việc của đội ngũ lưu trữ, lấy đó làm căn cứ cho công tác quy hoạch, bổ nhiệm và khen thưởng;
- Phối hợp với Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước trong việc báo cáo, chia sẻ dữ liệu nhân sự và tham gia các chương trình tập huấn do trung ương tổ chức.

2.2.3. Các cơ sở đào tạo

Các cơ sở đào tạo như Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính và Quản trị công, các trường đại học đào tạo ngành lưu trữ, chuyên ngành văn thư - lưu trữ là nền tảng cung cấp nhân lực cho ngành. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các cơ sở này cần chủ động đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo.

Cụ thể, cần:

- Cập nhật giáo trình và chương trình đào tạo theo hướng liên ngành, kết hợp lưu trữ học, công nghệ thông tin, quản trị dữ liệu, bảo mật và an ninh mạng;
- Xây dựng các mô hình học tập thực hành số hóa, thí điểm phòng thí nghiệm lưu trữ điện tử, tạo

điều kiện cho sinh viên tiếp cận công nghệ mới ngay trong quá trình học;

- Tăng cường hợp tác giữa nhà trường-cơ quan lưu trữ-doanh nghiệp công nghệ nhằm gắn kết đào tạo với thực tiễn;

- Đẩy mạnh các chương trình đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao dành cho cán bộ đang công tác trong ngành, đặc biệt là các khóa học trực tuyến (e-learning), đào tạo từ xa, nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức.

Thành công của một chiến lược chuyển đổi số quốc gia phụ thuộc vào sự tuân thủ và năng lực của từng cá nhân ở cấp cơ sở. Nhận định này nhấn mạnh tầm quan trọng của trách nhiệm cá nhân trong toàn bộ chuỗi quy trình đặc biệt là nhiệm vụ lập và nộp hồ sơ điện tử. Nếu các hồ sơ điện tử không được lập đầy đủ và chính xác ngay từ ban đầu, chúng sẽ trở thành “rác điện tử”, làm vô hiệu hóa mọi nỗ lực đầu tư hạ tầng và xây dựng cơ sở dữ liệu ở các cấp cao hơn. Do đó, việc đào tạo và nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức là vô cùng cần thiết.

Cấp quản lý	Trách nhiệm chính
Trung ương (Bộ Nội vụ)	Hoàn thiện hành lang pháp lý, thiết lập Kho Lưu trữ số Nhà nước, xây dựng chế tài
Bộ, cơ quan ngang Bộ	Xác định mục tiêu, lập kế hoạch chiến lược, chỉ đạo số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu ngành
Địa phương (UBND cấp tỉnh)	Chỉ đạo quản lý tài liệu lưu trữ, xây dựng Kho Lưu trữ số địa phương, đầu tư kinh phí
Sở Nội vụ	Tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ
Sở Khoa học và Công nghệ	Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu an toàn
Cơ quan, tổ chức	Chỉ đạo xây dựng Hệ thống quản lý văn bản để lập hồ sơ và nộp tài liệu lưu trữ số
Cán bộ, công chức	Lập hồ sơ công việc theo quy định, nộp hồ sơ vào lưu trữ hiện hành đúng yêu cầu và thời hạn

Bảng 2. Sự phân công trách nhiệm trong mô hình chính quyền hai cấp đối với quản lý tài liệu lưu trữ số

2.3. Thách thức và khuyến nghị phát triển đồng bộ

2.3.1. Tồn tại và khó khăn

Các thách thức hiện tại tập trung vào ba mặt chính là kỹ thuật, nguồn nhân lực và quản trị.

Trước tiên, về kỹ thuật thiếu chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu, thiếu tính tương thích và khả năng liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản (EDMS) với các kho lưu trữ lịch sử.

Về nguồn nhân lực hiện nay đang thiếu hụt nhân lực có kiến thức liên ngành (Lưu trữ - IT), dẫn đến tình trạng các đơn vị công nghệ không hiểu rõ nghiệp vụ và ngược lại.

Về quản trị thiếu cam kết chính trị và cơ chế kiểm soát chặt chẽ việc thực thi các quy định về lập hồ sơ điện tử ở giai đoạn văn thư, lưu trữ hiện hành và lưu trữ lịch sử.

2.3.2. Khuyến nghị giải pháp phát triển đồng bộ

Để vượt qua các thách thức và hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược, cần triển khai các giải pháp đột phá và đồng bộ:

Một là, ở cấp Trung ương, xây dựng nền tảng số dùng chung Quốc gia: Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ cần phối hợp xây dựng và quản lý các nền tảng số dùng chung và API chuẩn hóa thay vì để mỗi Bộ/Địa phương tự đầu tư phần mềm riêng lẻ. Điều này giải quyết triệt để vấn đề không liên thông và lãng phí nguồn lực. Tiếp đó là hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu và định dạng trao đổi thông tin.

Hai là, ở cấp địa phương, cơ chế phối hợp bắt buộc: UBND cấp tỉnh cần ban hành quy chế bắt buộc Sở Nội vụ và Sở Khoa học và Công nghệ phải phối hợp chặt chẽ ngay từ giai đoạn đầu (lập dự án, thiết kế hệ thống).

Ba là, ở cấp cơ sở và nhân lực, chỉ số hóa trách nhiệm (KPIs): Tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị là nguồn nộp lưu hồ sơ, tài liệu: Xây dựng các chỉ số hiệu suất (KPIs) đối với cán bộ, công chức, trong đó “việc lập hồ sơ điện tử đầy đủ và nộp lưu đúng hạn” phải được coi là tiêu chí bắt buộc để đánh giá mức độ hoàn thành công việc.

Bốn là, tổ chức các chương trình đào tạo lại (reskilling) và nâng cao kỹ năng (upskilling) chuyên

sâu về nghiệp vụ lưu trữ số, công nghệ cho toàn bộ đội ngũ làm công tác văn thư, lưu trữ.

5. Kết luận

Ngành Lưu trữ Việt Nam đang đứng trước cơ hội lịch sử để chuyển đổi sang mô hình khai phá tri thức chủ động nhờ vào khung pháp lý vững chắc (Luật Lưu trữ 2024, Nghị định 113) và khả năng ứng dụng công nghệ tiên tiến (AI, Học máy). Để hiện thực hóa tầm nhìn này, trọng tâm phải được đặt vào việc giải quyết các thách thức về quản trị liên ngành và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc thực hiện thành công các giải pháp đồng bộ sẽ không chỉ hiện đại hóa ngành Lưu trữ mà còn là một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng một Chính phủ số minh bạch, hiệu quả và phục vụ ■

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Luật Lưu trữ năm 2024.
- [2]. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- [3]. Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ.
- [4]. Văn Chi (2025). Kho lưu trữ tri thức. <https://luutru.gov.vn/luu-tru-tai-lieu-dien-tu-co-quan-nha-nuoc-gd-2021-2025/kho-luu-tru-tri-thuc.htm>

Improving the management mechanism and technology solutions in managing digital archives according to Archives Law 2024 and the requirements for digital transformation

Dr. Ta Thi Lieu

Faculty of Archives and Office Management
Academy of Public Administration and Management
Email: lieutt@apag.edu.vn.

Abstract: The context of national digital transformation requires the Archives sector to make a strategic shift, from a passive preservation role to an active knowledge exploitation. This change is strongly reinforced by Resolution 57-NQ/TW on data as an asset, along with the formation of a solid legal architecture through the Archives Law 2024 and Decree 113/2025/ND-CP. These documents have established a three-layer technical foundation (DC, DR, RR) and regulations on master data management (metadata), creating a basis for the development of the Knowledge Exploitation Platform for Archiving applying advanced technologies such as AI and Machine Learning. The article identifies current problems in system synchronization, data standardization and human resource capacity; thereby proposing administrative and technical solutions at each administrative level to ensure the integrity and ability to exploit the maximum value of data.

Keywords: Legal framework, technology and quality management model, human resources and digital archive management.